

Số: 51.../2026/CBTT-PTM

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ ô tô PTM thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2026 đã được soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Mã chứng khoán: PTM

Địa chỉ: Số 256 Đường Kim Giang, Phường Định Công, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: +84(24)38552550

Fax: +84(24)38552551

Email: ptmgroup@mghaxaco.com.vn

Website: <https://otoptm.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2026

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025)

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14./08/2026 tại đường dẫn <https://otoptm.com.vn/>.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2026

Công ty không phát sinh các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2026 Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp(%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....
- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 đã được soát xét;
- Giải trình chênh lệch số liệu.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



TRẦN VĂN MỸ





BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Tổng Giám đốc	02 - 06
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính (hợp nhất) giữa niên độ	07 - 08
3. Báo cáo tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	09 - 10
4. Báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026	13 – 37



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM và 01 công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 đã được soát xét của Tập đoàn.

1. Khái quát về Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm công ty mẹ là Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là "Công ty") và 01 công ty con.

Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101116000 ngày 09 tháng 03 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thay đổi thứ 21 ngày 09 tháng 06 năm 2026 về tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ tại ngày 30/06/2026: 351.999.930.000 đồng (Ba trăm năm mươi một tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).

2. Trụ sở hoạt động

2.1. Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, phường Định Công, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: +84 (24) 3 85 52 550
- Fax: +84 (24) 3 55 90 352
- Mã số thuế: 0101116000

2.2. Chi nhánh văn phòng

- **Địa chỉ: Số 335C đường Điện Biên Phủ, phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101116000-001 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 05 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 09 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- **Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đình Kế, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh.**

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101116000-002 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 11 năm 2023, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 05 tháng 06 năm 2026 do Sở Tài chính Tỉnh Bắc Ninh cấp.

- **Địa chỉ: Số 08 Trần Anh Tông, Quốc lộ 10, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình.**

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101116000-004 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 04 năm 2024 và đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30 tháng 09 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

- **Địa chỉ: Số 03 Phạm Hùng, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng.**

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101116000-005 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2024, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 14 tháng 04 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

- **Địa chỉ: Số 32, Tổ 1, Khu phố 3, phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai.**

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101116000-006 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2024 và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 15 tháng 04 năm 2026 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

- **Địa chỉ : 2070-2070A Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang.**

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 0101116000-007 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

2.3. Địa điểm kinh doanh

- **Địa chỉ : 54 Kinh Dương Vương, phường Phú Lâm, Tp. HCM.**

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00001 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đã chấm dứt hoạt động ngày 25 tháng 12 năm 2024.

- **Địa chỉ : Số 46 Láng Hạ, phường Láng, Tp. Hà Nội.**

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00002 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 08 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 20 tháng 02 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

- **Địa chỉ : 92-94-96 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, Tp. HCM.**

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00002 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 08 năm 2021, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đã chấm dứt hoạt động tại ngày 24 tháng 12 năm 2024.

- **Địa chỉ: Số 32, tổ 1, Khu phố 3, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai.**

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00003 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 04 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

- **Địa chỉ : Tòa nhà thương mại Cao Nguyên 2, đường Lý Thái Tổ, Phường Võ Cường, Tỉnh Bắc Ninh.**

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00001 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2024, Đăng ký thay đổi lần 1 ngày 05/05/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

- **Địa chỉ : Số 3-5 Nguyễn Văn Linh, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội .**

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00004 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 04 năm 2024.

- **Địa chỉ : 801 Quốc lộ 13, Khu phố 1, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00004 đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 09 năm 2024 cấp và đăng ký thay đổi lần 1 ngày 02 tháng 10 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- **Địa chỉ : Số 286 đường Trần Hưng Đạo, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình.**

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00001 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2025 cấp và đăng ký thay đổi lần 1 ngày 14 tháng 10 năm 2025 do Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình cấp.

- **Địa chỉ : Số 125 – 127, tổ 1, khu phố Kim Hải, Phường Long Hương, Tp. Hồ Chí Minh**

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00001 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 04 năm 2025 do Sở Tài chính Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

2.4. Thông tin về công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt	97 Đường Ngô Quyền, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng, Việt Nam	99,33%	99,33%	99,33%	99,33%	99,33%	99,33%

3. Ngành nghề kinh doanh

Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;

- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động liên quan đến đấu giá)
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; (Trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng, thuộc Phụ lục I, Mục A.7 Nghị định 31/2021/NĐ-CP)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm; Chi tiết: Hoạt động đại lý bảo hiểm
- Cho thuê xe có động cơ.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc**4.1. Hội đồng quản trị**

Các thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Vũ Thị Hạnh	Chủ tịch	28/03/2026	-
Đỗ Tiến Dũng	Thành viên	28/03/2026	-
Trần Văn Mỹ	Thành viên	28/03/2026	-
Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thành viên	28/03/2026	-
Vũ Thị Mai	Thành viên	28/03/2026	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

4.2. Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát của Tập đoàn trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Đào Mỹ Linh	Trưởng ban	28/03/2026	-
Bà Trần Minh Khuê	Thành viên	28/03/2026	-
Bà Vũ Ngọc Diệp Linh	Thành viên	28/03/2026	-
Bà Phạm Thị Bán	Trưởng ban	30/06/2021	28/03/2026
Bà Trần Thị Hạnh	Ủy viên	30/06/2021	28/03/2026
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Ủy viên	30/06/2021	28/03/2026

4.3. Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc của Tập đoàn trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Văn Mỹ	Tổng Giám đốc	01/09/2023	-
Bà Lê Thị Huyền	Kế toán trưởng	05/08/2024	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Văn Mỹ, chức vụ Tổng Giám đốc.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ từ trang 09 đến trang 37.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Tập đoàn.

9. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Tập đoàn trong giai đoạn tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Thành phố Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026.



TRẦN VĂN MỸ
Tổng Giám đốc

Số: 1208/1/26/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 08 năm 2026, từ trang 09 đến trang 37, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) và Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính (hợp nhất) giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2026.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN số 2141-2023-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		328.386.792.994	425.829.919.636
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	90.993.738.373	23.237.358.760
1. Tiền	111		90.993.738.373	23.237.358.760
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.500.000.000	2.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	6.500.000.000	2.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.802.299.279	83.016.287.478
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	55.417.734.369	63.192.533.007
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	13.461.964.324	5.802.659.692
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	12.256.253.066	14.354.747.259
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(333.652.480)	(333.652.480)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	143.233.852.096	297.794.384.790
1. Hàng tồn kho	141		144.639.512.003	299.200.044.697
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(1.405.659.907)	(1.405.659.907)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		6.856.903.246	19.281.888.608
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	3.339.075.536	4.106.149.540
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		3.517.827.710	15.173.965.307
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.15	-	1.773.761
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		209.823.608.081	243.073.796.933
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.504.000.000	2.531.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	2.504.000.000	2.531.000.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		107.387.134.029	137.088.960.239
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	80.926.931.229	110.628.757.439
- Nguyên giá	222		131.244.925.714	159.555.980.308
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.317.994.485)	(48.927.222.869)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	26.460.202.800	26.460.202.800
- Nguyên giá	228		26.548.362.800	26.548.362.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(88.160.000)	(88.160.000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		30.410.766.400	30.410.766.400
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.11	30.410.766.400	30.410.766.400
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		69.521.707.652	73.043.070.294
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	14.094.235.301	14.676.741.087
2. Lợi thế thương mại	279	V.12	55.427.472.351	58.366.329.207
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		538.210.401.075	668.903.716.569

3128
CÔNG
CHÍNH
TOÁN
HUÂN
TP.

9

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, Phường Định Công, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo) giữa niên độ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		127.888.360.113	198.479.846.257
I. Nợ ngắn hạn	310		127.438.981.201	198.479.846.257
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	3.869.858.280	31.066.393.583
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	6.925.293.216	6.771.918.591
3. Phải trả cổ tức	313		102.840.000	39.110.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	6.307.829.748	10.687.042.059
5. Phải trả người lao động	315		3.990.850.411	5.846.607.924
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		325.761.489	1.006.810.116
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.16	987.920.177	882.254.638
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.17	104.928.627.880	142.179.709.346
II. Nợ dài hạn	330		449.378.912	-
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		449.378.912	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	410.322.040.962	470.423.870.312
I. Vốn chủ sở hữu	410		410.322.040.962	470.423.870.312
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		351.999.930.000	320.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		351.999.930.000	320.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(217.999.333)	20.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		122.922.480	122.922.480
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		58.347.348.484	150.211.355.341
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		54.211.355.340	114.319.709.537
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		4.135.993.144	35.891.645.804
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		69.839.331	69.592.491
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		538.210.401.075	668.903.716.569

Thành phố Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ DUYÊN

LÊ THỊ HUYỀN

TRẦN VĂN MỸ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	331.167.249.408	687.869.577.608
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		331.167.249.408	687.869.577.608
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	289.845.381.635	580.512.948.433
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.321.867.773	107.356.629.175
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22		30.950.326	545.699.780
8. Chi phí tài chính	23	VI.3	4.723.874.867	3.559.296.346
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		4.723.874.867	3.559.296.346
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	28.387.514.800	46.975.165.272
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	25.100.986.687	31.559.829.855
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		-	-
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(16.859.558.255)	25.808.037.482
13. Thu nhập khác	31	VI.6	23.061.195.456	16.339.315.875
14. Chi phí khác	32	VI.7	37.171.552	100.990.899
15. Lợi nhuận khác	40		23.024.023.904	16.238.324.976
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.164.465.649	42.046.362.458
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	1.578.846.754	8.624.310.022
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		449.378.912	-
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.136.239.983	33.422.052.436
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		4.135.993.144	33.422.052.436
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		246.839	-
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	128	1.044
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	128	1.044

Thành phố Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



PHẠM THỊ DUYÊN



LÊ THỊ HUYỀN



TRẦN VĂN MỸ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.164.465.649	42.046.362.458
	2. Điều chỉnh cho các khoản		12.165.436.645	12.039.649.496
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.9; V.10	9.144.903.153	10.936.533.986
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.703.341.375)	(2.456.180.836)
06	- Chi phí đi vay	VI.3	4.723.874.867	3.559.296.346
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		18.329.902.294	54.086.011.954
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		13.898.899.557	(52.812.249.045)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		154.560.532.694	(265.796.172.343)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(26.093.270.444)	8.076.741.498
12	- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ		9.245.258.606	(606.230.751)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Chi phí đi vay đã trả		(4.723.874.867)	(3.559.296.346)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.15	(9.339.089.900)	(32.270.189.772)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		155.878.357.940	(292.881.384.805)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.331.145.085)	(53.875.831.311)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		19.607.414.800	33.505.272.725
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		27.172.757	545.699.780
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		13.303.442.472	(19.824.858.806)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		31.761.930.667	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.17	165.716.953.640	433.342.004.040
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.17	(202.968.035.106)	(199.982.851.640)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.18	(95.936.270.000)	(31.960.890.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(101.425.420.799)	201.398.262.400
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		67.756.379.613	(111.307.981.211)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		23.237.358.760	157.425.399.323
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	90.993.738.373	46.117.418.112

Người lập biểu

PHẠM THỊ DUYỀN

Kế toán trưởng

LÊ THỊ HUYỀN

Thành phố Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN VĂN MỸ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM và 01 công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh và sửa chữa ô tô.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động liên quan đến đấu giá)
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; (Trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng, thuộc Phụ lục I, Mục A.7 Nghị định 31/2021/NĐ-CP)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm; Chi tiết: Hoạt động đại lý bảo hiểm
- Cho thuê xe có động cơ.

4. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (Hợp nhất) giữa niên độ

Doanh thu và giá vốn hàng bán trong kỳ lần lượt giảm 51,9% và 50,1% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do doanh số mảng kinh doanh ô tô giảm. Bên cạnh đó, xu hướng chuyển dịch của thị trường sang xe điện đã làm nhu cầu đối với các dòng xe sử dụng động cơ xăng suy giảm làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong kỳ.

5. Các Công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 01 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM*Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026***Công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt	97 Đường Ngô Quyền, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng, Việt Nam	99,33%	99,33%	99,33%	99,33%	99,33%	99,33%

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 335C đường Điện Biên Phủ, phường Gia Định thành phố Hồ Chí Minh (Cũ: Số 335C đường Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.)
2	Chi nhánh MG Bắc Giang - Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Cụm công nghiệp Dĩnh Kế, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh. (Cũ: Tổ dân phố Giáp Sau, Phường Dĩnh Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang)
3	Chi nhánh Nam Định - Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 8 Trần Anh Tông, Quốc lộ 10, Phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình (Cũ: Số 08 Trần Anh Tông, Quốc lộ 10, Phường Lộc Vượng, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định)
4	Chi nhánh Đà Nẵng- Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 03 Phạm Hùng, phường Hoà Xuân, TP Đà Nẵng (Cũ: Số 03 Phạm Hùng, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam).
5	Chi nhánh Đồng Nai- Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 32, tổ 1, khu phố 3, phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai (Cũ: Số 32, tổ 1, khu phố 3, phường An Hòa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai).
6	Chi nhánh An Giang- Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 2070-2070A, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang (Cũ: Số 2070-2070A Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang)

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 347 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 474 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Thông tư này thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026. Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh (thuyết minh mục IV.23) do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính (hợp nhất) này là Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Báo cáo của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ các quy định pháp lý có liên quan hiện hành tại Việt Nam.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và bảng cân đối kế toán (hợp nhất) giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát các công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, giấy tờ có giá, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả và các khoản đầu tư khác có bản chất tương tự nhằm mục đích thu lãi định kỳ hoặc các lợi ích kinh tế khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dồn tích phù hợp với thời gian nắm giữ và lãi suất thực tế của khoản đầu tư. Khoản lãi được hưởng trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư tại thời điểm mua.

Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh khi mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính theo phương pháp lãi suất thực phù hợp với thời gian nắm giữ khoản đầu tư.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, khi có bằng chứng khách quan cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể bị tổn thất, Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tương ứng với phần giá trị tổn thất có thể xảy ra. Khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính/doanh thu tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bằng ngoại tệ được ghi nhận và đánh giá lại theo quy định áp dụng đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Tập đoàn thực hiện theo dõi chi tiết các khoản phải thu theo từng đối tượng phải thu, kỳ hạn phải thu và nguyên tệ phải thu phù hợp với yêu cầu quản lý.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải thu khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua - bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, thanh lý hoặc nhượng bán tài sản giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;

Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu giữa Tập đoàn và các đơn vị trực thuộc;

Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu bằng ngoại tệ được ghi nhận và đánh giá lại theo quy định áp dụng đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, Tập đoàn thực hiện phân loại và trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn theo quy định hiện hành.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng có bằng chứng cho thấy khả năng không thu hồi được một phần hoặc toàn bộ khoản nợ.

Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc có bằng chứng cho thấy khó có khả năng hoặc không có khả năng thanh toán, Tập đoàn căn cứ mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra để xác định mức trích lập dự phòng phù hợp.

Trường hợp Tập đoàn có bằng chứng tin cậy hơn hoặc có cơ sở xác định giá trị có thể thu hồi phù hợp hơn thì Tập đoàn có thể áp dụng phương pháp khác để xác định mức dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành.

Việc trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa sổ nhưng sau đó thu hồi được, số tiền thu hồi được ghi nhận vào thu nhập khác.

5. Hàng tồn kho

• Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang: toàn bộ là chi phí của việc sửa chữa xe chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), bình quân gia quyền (đối với các loại hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

• Phương pháp tính giá trị và hạch toán hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho (xe) xuất kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

• Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ, khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc, Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định hiện hành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng loại hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ tương ứng theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí chờ phân bổ của Tập đoàn bao gồm các khoản chủ yếu sau:

- Chi phí mua bảo hiểm và các khoản chi trả trước khác liên quan đến nhiều kỳ kế toán;
- Giá trị công cụ, dụng cụ và đồ dùng cho thuê phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh nhiều kỳ kế toán;

- Các khoản chi phí chờ phân bổ khác không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán.

•

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tính chất và mức độ hưởng lợi của từng khoản chi phí, theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp phù hợp khác và được áp dụng nhất quán giữa các kỳ kế toán.

Tập đoàn theo dõi chi tiết từng khoản chi phí chờ phân bổ theo từng nội dung chi phí, thời gian phân bổ, số đã phân bổ và số còn lại chưa phân bổ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Công cụ, dụng cụ

Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian dự kiến mang lại lợi ích kinh tế.

Chi phí thuê đất trả trước

Chi phí thuê đất trả trước phản ánh khoản tiền thuê đất đã trả trước phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn thuê đất còn lại.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng,

lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 - 06 năm.

9. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

10. Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh

Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

11. Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các chênh lệch tạm thời chịu thuế giữa giá trị ghi sổ tài sản/nợ phải trả và cơ sở tính thuế, theo thuế suất thuế TNDN hiện hành hoặc đã được ban hành chắc chắn áp dụng. Khoản thuế này phản ánh nghĩa vụ thuế phát sinh trong tương lai khi các chênh lệch tạm thời được đảo ngược thông qua thu hồi tài sản hoặc thanh toán nợ phải trả.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn xác định, điều chỉnh và bù trừ giữa số phát sinh và số hoàn nhập trong kỳ; chênh lệch tăng/giảm được ghi nhận vào chi phí thuế TNDN hoãn lại tương ứng. Thuế hoãn lại liên quan đến các khoản ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu được ghi nhận tương ứng vào vốn chủ sở hữu. Việc bù trừ giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ thực hiện khi trình bày Báo cáo tình hình tài chính, không bù trừ trên sổ kế toán.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các qui định của pháp luật và đã được chủ sở hữu Tập đoàn phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán xe ô tô

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ sửa chữa được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê xe, địa điểm kinh doanh

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ cho thuê xe, địa điểm kinh doanh được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay Hợp nhất phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay Hợp nhất biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

19. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản thuế thu nhập DN hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành đơn vị áp dụng là 20%.

20. Bán, thanh lý TSCĐ, BĐS đầu tư

Khi bán, thanh lý tài sản cố định hoặc bất động sản đầu tư, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được ghi giảm; chênh lệch giữa thu nhập thu được và giá trị còn lại cùng các chi phí liên quan được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định Hợp nhất biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

23. Số liệu so sánh

Một vài số dư trên Báo cáo tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ được trình bày lại cho phù hợp với quy định hiện hành (thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, năm trước theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính). Chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mã Số	Chi tiêu	Cuối năm trước theo Thông tư 200/2014/TT-BTC/Trước điều chỉnh	Đầu năm nay được trình bày lại theo Thông tư 99/2025/TT-BTC/Sau điều chỉnh	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
	BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
	Nguồn Vốn			
313	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	39.110.000	39.110.000
320	Phải trả ngắn hạn khác	921.364.638	882.254.638	(39.110.000)
	CỘNG NGUỒN VỐN	921.364.638	921.364.638	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	11.548.497.624	2.293.233.057
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	79.445.240.749	20.944.125.703
Cộng	90.993.738.373	23.237.358.760

(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	24.038.569.836	6.859.021.383
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	21.349.681.249	7.754.739.754
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	20.849.005.866	2.179.922.906
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	10.234.576.428	3.936.164.048
+ Ngân hàng khác	2.973.407.370	214.277.612
Cộng	79.445.240.749	20.944.125.703

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng với lãi suất 4,6%/năm và 4,5%/năm.
Chi tiết gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
+Ngân hàng Đại Chúng TNHH Kasikornbank – Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh (*)	4.000.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Tây Sài Gòn	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	6.500.000.000	2.500.000.000

(*) Tại ngày 30/06/2026, khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng Đại Chúng TNHH Kasikornbank – Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh dùng để đảm bảo cho khoản vay tại cùng ngân hàng (xem thuyết minh tại mục V.17).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	42.339.343.506	27.723.976.345
- Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Tương Lai Việt	22.994.343.506	27.723.976.345
- Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ	19.345.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	13.078.390.863	35.468.556.662
- Công ty TNHH SAIC MOTOR Việt Nam	957.237.007	1.427.668.385
- Khách hàng khác	12.121.153.856	34.040.888.277
Cộng	55.417.734.369	63.192.533.007

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho các tổ chức và cá nhân khác	13.461.964.324	5.802.659.692
- Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Tổng Hợp Ngôi Sao Việt ⁽¹⁾	8.000.000.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng nội thất Anh Khôi City ⁽²⁾	3.770.000.000	-
- Đối tượng khác	1.691.964.324	5.802.659.692
Cộng	13.461.964.324	5.802.659.692

⁽¹⁾ Là khoản tiền ứng trước cho Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Tổng Hợp Ngôi Sao Việt để mua xe và phụ kiện theo các Hợp đồng bán hàng số 0106-PTM/NSV ngày 23 tháng 06 năm 2026 và Hợp đồng số 25062026/NSV-PTM ngày 25/06/2026.

⁽²⁾ Là khoản tiền ứng trước cho Công ty TNHH Xây dựng nội thất Anh Khôi City theo hợp đồng thi công số 1706/HĐTC/AK-PTM ngày 17 tháng 06 năm 2026 về thực hiện thi công và cải tạo Showroom MG Hải Dương.

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	12.256.253.066	14.354.747.259
- Công ty TNHH SAIC MOTOR Việt Nam ^(*)	11.550.905.398	13.930.257.785
- Tạm ứng của nhân viên	513.850.930	310.868.045
- Phải thu khác	191.496.738	113.621.429
Cộng	12.256.253.066	14.354.747.259

^(*) Là khoản phải thu tiền theo chính sách bán hàng cho khách của nhà phân phối - Công ty TNHH Saic Motor Việt Nam

5b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu dài hạn khác các bên liên quan	-	-
Phải thu dài hạn khác	2.504.000.000	2.531.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDP ^(*)	1.040.000.000	1.040.000.000
- Khách hàng khác	1.464.000.000	1.491.000.000
Cộng	2.504.000.000	2.531.000.000

^(*) Là khoản tiền đặt cọc cho Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDP theo hợp đồng số 03/HĐTD ngày 16 tháng 06 năm 2020 và hợp đồng số 01/HĐTD ngày 08 tháng 03 năm 2022 về việc thuê bãi đỗ xe, văn phòng và xưởng sửa chữa xe ô tô.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ^(*)	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ^(*)
<i>Các bên liên quan</i>		-	-		-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		333.652.480	-		333.652.480	-
- Công ty XNK Vật tư Kỹ thuật	Trên 3 năm	68.800.000	-	Trên 3 năm	68.800.000	-
- Hợp doanh DMC – FER	Trên 3 năm	53.650.000	-	Trên 3 năm	53.650.000	-
- Công ty CP SX và Chuyển giao Công nghệ Việt Nam TBI	Trên 3 năm	41.987.000	-	Trên 3 năm	41.987.000	-
- Các đối tượng khác	Trên 3 năm	169.215.480	-	Trên 3 năm	169.215.480	-
Cộng		333.652.480	-		333.652.480	-

^(*) Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(333.652.480)	(333.652.480)
Trích lập dự phòng	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(333.652.480)	(333.652.480)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi đường	11.001.000	-	21.592.500	-
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	7.262.433.596	(1.405.659.907)	7.708.684.750	(1.405.659.907)
- Công cụ, dụng cụ	270.325.284	-	311.102.397	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	858.882.373	-	1.421.888.056	-
- Hàng hóa ⁽²⁾	136.236.869.750	-	289.736.776.994	-
Cộng	144.639.512.003	(1.405.659.907)	299.200.044.697	(1.405.659.907)

⁽¹⁾ Là phụ tùng, vật tư sửa chữa xe ô tô.

⁽²⁾ Là xe ô tô dùng để bán.

Tại ngày 30/06/2026, giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản vay là 124.268.687.931 đồng (xem thuyết minh tại mục V.17).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Đầu năm	(1.405.659.907)	(1.405.659.907)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Cuối kỳ	(1.405.659.907)	(1.405.659.907)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM*Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026***8. Chi phí chờ phân bổ****8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	358.142.907	881.800.786
- Phí bảo hiểm cháy nổ	120.045.005	159.629.165
- Sửa chữa văn phòng	55.335.387	19.215.998
- Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	2.805.552.237	3.045.503.591
Cộng	3.339.075.536	4.106.149.5

Tình hình biến động:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	4.106.149.540	7.377.506.108
Tăng trong kỳ	7.268.279.007	11.023.935.027
Tăng/giảm do điều chỉnh từ dài hạn sang ngắn hạn	63.679.231	(15.200.000)
Phân bổ trong kỳ	(8.099.032.242)	(11.325.514.279)
Số cuối kỳ	3.339.075.536	7.060.726.855

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí sửa chữa văn phòng	8.161.530.772	6.244.642.952
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	4.837.712.751	6.435.486.533
- Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	1.094.991.778	1.996.611.602
Cộng	14.094.235.301	14.676.741.087

Tình hình biến động:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	14.676.741.087	16.063.608.246
Tăng trong năm	4.309.965.001	7.302.457.274
Tăng/giảm do điều chỉnh dài hạn, ngắn hạn	(55.335.387)	15.200.000
Phân bổ trong kỳ	(4.828.791.556)	(3.035.220.360)
Giảm do điều chỉnh khác	(8.343.844)	(3.359.426.910)
Số cuối kỳ	14.094.235.301	16.986.618.250

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	95.943.611.651	2.419.726.286	59.379.998.028	1.296.450.454	516.193.889	159.555.980.308
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.523.563.273	-	1.523.563.273
- Mua trong kỳ	-	-	-	1.523.563.273	-	1.523.563.273
Giảm trong kỳ	14.784.080.101	-	14.941.240.266	109.297.500	-	29.834.617.867
- Thanh lý, nhượng bán	9.827.258.141	-	14.941.240.266	109.297.500	-	24.877.795.907
- Giảm khác	4.956.821.960	-	-	-	-	4.956.821.960
Số cuối kỳ	81.159.531.550	2.419.726.286	45.962.321.035	1.187.152.954	516.193.889	131.244.925.714
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	34.384.250.391	1.029.865.091	12.789.556.701	574.445.528	149.105.158	48.927.222.869
Tăng trong kỳ	5.597.081.042	192.029.760	3.241.211.593	113.264.707	59.349.024	9.202.936.126
- Khấu hao trong kỳ	5.539.048.069	192.029.760	3.241.211.593	113.264.707	59.349.024	9.144.903.153
- Phân loại lại	58.032.973	-	-	-	-	58.032.973
Giảm trong kỳ	4.260.489.981	-	3.467.361.512	36.331.303	47.981.714	7.812.164.510
- Thanh lý, nhượng bán	3.452.908.169	-	3.457.310.253	36.331.303	-	6.946.549.725
- Phân loại lại	807.581.812	-	10.051.259	-	47.981.714	865.614.785
Số cuối kỳ	35.720.841.452	1.221.894.851	12.563.406.782	651.378.932	160.472.468	50.317.994.485
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	61.559.361.260	1.389.861.195	46.590.441.327	722.004.926	367.088.731	110.628.757.439
Số cuối kỳ(*)	45.438.690.098	1.197.831.435	33.398.914.253	535.774.022	355.721.421	80.926.931.229

(*) Trong đó: Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2026 dùng để cầm cố đảm bảo nợ vay là 2.868.311.929 đồng (Xem tại thuyết minh V.17).

Nguyên giá của các tài sản đã hết giá trị còn lại nhưng còn sử dụng: 6.591.268.537 đồng.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	26.460.202.800	88.160.000	26.548.362.800
Tăng trong năm	26.460.202.800	-	26.460.202.800
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối kỳ			
Trong đó: TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		88.160.000	88.160.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	88.160.000	88.160.000
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối kỳ	-	88.160.000	88.160.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	26.460.202.800	-	26.460.202.800
Số cuối kỳ	26.460.202.800	-	26.460.202.800

(*) Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số AA01639833 tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 127 phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là quyền sử dụng đất thửa đất và tài sản gắn liền với đất tại phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Tại ngày 30/06/2026, đơn vị đang thực hiện thủ tục sang tên.

12. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Số cuối kỳ
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt	58.366.329.207	-	(2.938.856.856)	55.427.472.351
Cộng	58.366.329.207	-	(2.938.856.856)	55.427.472.351

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	25.779.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ Khí Ô Tô Cần Thơ	-	25.779.000.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	3.869.858.280	5.287.393.583
- Công ty TNHH SAIC MOTOR Việt Nam	1.721.253.579	2.364.003.762
- Khách hàng khác	2.148.604.701	2.923.389.821
Cộng	3.869.858.280	31.066.393.583

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chủ yếu là tiền khách hàng trả tiền trước để mua xe. Chi tiết như sau

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	6.925.293.216	6.771.918.591
- Người mua trả trước tiền mua xe ô tô và sửa chữa	6.925.293.216	6.771.918.591
Cộng	6.925.293.216	6.771.918.591

15. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT phải nộp	916.800.602	-	9.061.958.277	(6.104.658.673)	3.874.100.206	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.283.736.047	1.773.761	1.578.846.754	(9.339.089.900)	1.521.719.140	-
- Thuế thu nhập cá nhân	486.505.410	-	3.300.106.310	(3.200.603.956)	586.007.764	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	573.670.486	(247.667.848)	326.002.638	-
Cộng	10.687.042.059	1.773.761	14.514.581.827	(18.892.020.377)	6.307.829.748	-

15a. Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

15b. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Doanh nghiệp phải nộp thuế phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.164.465.649	42.046.362.458
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.699.893.415	527.340.352
+ CP không được trừ	761.036.559	-
+ Lợi thế thương mại	2.938.856.856	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.246.894.558)	-
+ Dự phòng công ty con	(2.246.894.558)	-
Thu nhập chịu thuế	7.617.464.506	42.573.702.810
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các kỳ trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	7.617.464.506	42.573.702.810
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.523.492.901	8.514.740.562
Điều chỉnh thuế TNDN của các kỳ trước	55.353.853	109.569.460
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	1.578.846.754	8.624.310.022

15c. Các loại thuế khác

Doanh nghiệp kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan	-	-
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	987.920.177	882.254.638
- Kinh phí công đoàn	270.067.649	356.223.330
- Ký quỹ, ký cược	477.690.400	420.000.000
- Khách hàng khác	240.162.128	106.031.308
Cộng	987.920.177	882.254.638

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM*Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026***17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	104.928.627.880	104.928.627.880	142.179.709.346	142.179.709.346
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tây Sài Gòn ⁽¹⁾	68.395.287.960	68.395.287.960	59.643.273.856	59.643.273.856
- Ngân Hàng Đại Chúng TNHH Kasikornbank – Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh ⁽²⁾	18.757.807.200	18.757.807.200	-	-
- Ngân hàng HSBC Chi nhánh HCM ⁽³⁾	14.986.041.840	14.986.041.840	30.405.289.570	30.405.289.570
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ⁽⁴⁾	2.789.490.880	2.789.490.880	16.287.060.480	16.287.060.480
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Dương	-	-	17.191.200.000	17.191.200.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	-	-	18.652.885.440	18.652.885.440
Cộng	104.928.627.880	104.928.627.880	142.179.709.346	142.179.709.346

⁽¹⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tây Sài Gòn theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 252991/028/2025-HĐCVHM/NHCT923-PTM ngày 27/06/2025. Hạn mức cho vay 200.000.000.000 đồng. Mục đích vay phục vụ hoạt động kinh doanh các mẫu xe MG. Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 27/06/2026, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là tài sản cố định và hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay (Xem tại thuyết minh V7, V.9).

⁽²⁾ Là khoản vay Ngân Hàng Đại Chúng TNHH Kasikornbank – Chi Nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/01/2026. Hạn mức 100.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng. Tài sản thế chấp là tiền gửi tiết kiệm của Công ty tại ngân hàng Kasikornbank và hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay (Xem tại thuyết minh V.2, V7).

⁽³⁾ Là khoản vay Ngân hàng HSBC Chi nhánh HCM ngày 27/08/2024 và văn bản sửa đổi ngày 07/07/2025. Hạn mức 200.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 04 tháng đối với từng khoản vay. Tài sản thế chấp là hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay (Xem tại thuyết minh V.7).

⁽⁴⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/4820300/HĐTD ngày 28/05/2025. Hạn mức tín dụng tối đa 50.000.000.000 đồng. Thời hạn vay dưới 12 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay (Xem tại thuyết minh V.7).

Tình hình biến động các khoản vay và nợ ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Tiền vay phát sinh	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn Ngân hàng	142.179.709.346	165.716.953.640	(202.968.035.106)	104.928.627.880
Cộng	142.179.709.346	165.716.953.640	(202.968.035.106)	104.928.627.880

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

Xem chi tiết phụ lục số 01.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	183.251.280.000	52,06	165.179.600.000	51,62
- Bà Vũ Thị Hạnh	39.835.510.000	11,32	36.214.100.000	11,32
- Bà Nguyễn Thị Liên	22.000.000.000	6,25	20.000.000.000	6,25
- Các cổ đông khác	106.913.140.000	30,37	98.606.300.000	30,81
Cộng	351.999.930.000	100,00	320.000.000.000	100,00

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	351.999.930.000	351.999.930.000	-
Cộng	351.999.930.000	351.999.930.000	-

18c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	320.000.000.000	320.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	31.999.930.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ		-
+ Vốn góp cuối kỳ	351.999.930.000	320.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi	(95.936.270.000)	(31.960.890.000)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu kinh doanh xe	299.449.747.560	661.109.924.721
- Doanh thu sửa chữa xe	24.492.874.621	18.070.981.198
- Doanh thu hoạt động khác	7.224.627.227	8.688.671.689
Cộng (*)	331.167.249.408	687.869.577.608

(*) Trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan số tiền là 43.223.397.828 đồng (xem tại thuyết minh VII.2b).

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn kinh doanh xe	263.232.693.053	558.562.034.383
- Giá vốn sửa chữa xe	23.931.892.452	16.986.794.775
- Giá vốn hoạt động khác	2.680.796.130	4.964.119.275
Cộng	289.845.381.635	580.512.948.433

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM*Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026***3. Chi phí tài chính**

Toàn bộ là chi phí lãi vay.

4. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	9.643.763.136	21.754.033.010
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	207.818.842	310.988.677
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.337.269.656	3.372.632.010
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.490.690.153	10.644.990.765
- Chi phí bằng tiền khác	5.707.973.013	10.892.520.810
Cộng	28.387.514.800	46.975.165.272

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên quản lý	12.835.389.388	13.922.672.550
- Chi phí vật liệu quản lý	1.754.712.485	1.818.170.586
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.202.390.456	4.513.921.159
- Lợi thế thương mại	2.938.856.856	-
- Thuế, phí và lệ phí	208.507.007	158.722.539
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	150.238.104	295.827.237
- Chi phí bằng tiền khác	3.010.892.391	10.850.515.784
Cộng	25.100.986.687	31.559.829.855

6. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
- Các khoản hỗ trợ từ nhà máy Saic Motor Việt Nam (*)	21.297.254.793	14.416.325.046
- Lãi từ thanh lý	1.676.168.618	1.910.481.056
+ <i>Thu nhập từ thanh lý</i>	<i>19.607.414.800</i>	<i>33.505.272.725</i>
+ <i>Giá trị còn lại và chi phí thanh lý</i>	<i>(17.931.246.182)</i>	<i>(31.594.791.669)</i>
- Lãi từ thanh lý CCDC	83.651.065	-
+ <i>Thu nhập thanh lý</i>	<i>804.403.383</i>	-
+ <i>Chi phí thanh lý</i>	<i>(720.752.318)</i>	-
- Thu nhập từ hoạt động khác	4.120.980	12.509.773
Cộng	23.061.195.456	16.339.315.875

(*) Chủ yếu là khoản hỗ trợ bán xe cũ cho đại lý từ nhà máy Saic Motor Việt Nam.

7. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí phạt	29.680.566	-
- Các khoản khác	7.490.986	100.990.899
Cộng	37.171.552	100.990.899

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM*Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026***8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.136.239.983	33.422.052.436
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(246.839)	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.135.993.144	33.422.052.436
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	32.388.949	32.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	128	1.044

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.136.239.983	33.422.052.436
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(246.839)	-
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.135.993.144	33.422.052.436
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	32.388.949	32.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm sau ngày kết thúc kỳ kế toán (CP)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	128	1.044

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng dụng cụ	16.240.358.013	14.109.762.234
- Chi phí nhân công	28.094.637.087	36.416.190.877
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.144.903.153	10.936.533.986
- Thuế, phí và lệ phí	87.943.330	158.722.539
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.474.682.273	15.937.176.382
- Chi phí bằng tiền khác	9.096.766.315	25.723.147.438
Cộng	76.139.290.171	103.281.533.456

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Kế toán trưởng)**

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (*). Chi tiết như sau:

Tiền lương	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
- Trần Văn Mỹ	Tổng Giám đốc	498.000.000	520.000.000
- Lê Thị Huyền	Kế toán trưởng	312.000.000	360.000.000
Cộng		810.000.000	880.000.000
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
- Vũ Thị Hạnh	Chủ tịch HĐQT	360.000.000	200.000.000
- Đỗ Tiến Dũng	Thành viên	120.000.000	80.000.000
- Trần Văn Mỹ	Thành viên	120.000.000	80.000.000
- Vũ Ngọc Diệp Linh	Thành viên	-	80.000.000
- Hoàng Đức Hùng	Thành viên	-	40.000.000
- Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thành viên	120.000.000	40.000.000
- Vũ Thị Mai	Thành viên	120.000.000	-
Cộng		840.000.000	520.000.000

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Bên liên quan với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Công ty mẹ
Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Ô tô An Thái	Công ty con của Công ty Cổ Phần Xe Khách và Dịch Vụ Miền Tây
Chi Nhánh Ô Tô Phú Lâm - Công ty Cổ Phần Xe Khách và Dịch Vụ Miền Tây	Chi nhánh của Công ty Cổ Phần Xe Khách và Dịch Vụ Miền Tây
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Tương Lai Việt	Công ty cùng Công ty mẹ
Bà Vũ Thị Hạnh	Cổ đông lớn (Chiếm 11,32%)
Nguyễn Thị Liên	Cổ đông lớn (Chiếm 6,25%)

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các bên liên quan:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh		
- Doanh thu cho thuê xe, cho thuê mặt bằng, sửa chữa xe và khác	76.414.457	970.639.855
- Mua nguyên vật liệu	-	3.036.316
- Chi phí mua xe, bảo dưỡng, sửa chữa xe và khác	2.914.024.912	4.376.459.486
- Chia cổ tức	49.553.880.000	16.517.960.000
Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ		
- Doanh thu bán xe, trang bị và sửa chữa và khác	40.430.706.078	14.326.339.561
- Chi phí bảo dưỡng, sửa xe, phụ tùng, phụ kiện	18.626.947	16.444.000
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây		
- Doanh thu bán xe, bán phụ tùng, sửa chữa xe và khác	100.979.388	105.822.018
- Chi phí dịch sửa chữa xe, phụ tùng, phụ kiện	466.393.881	353.704.800
Công ty Cổ phần Ô tô An Thái		
- Doanh thu vận chuyển	8.277.781	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM*Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026*

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi nhánh Ô Tô Phú Lâm - Công Ty Cổ Phần Xe Khách & Dịch Vụ Miền Tây		
- Doanh thu vận chuyển	1.111.112	-
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Tương Lai Việt		
- Doanh thu thanh lý tài sản	8.000.000.000	-
- Doanh thu cho thuê địa điểm, vận chuyển và khác	2.605.909.012	-
- Chi phí mua phụ tùng	10.537.090	-

Số dư với bên liên quan

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.3, 13.

3. Báo cáo bộ phận**- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Kỳ này	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp
Kinh doanh xe	299.449.747.560	263.232.693.053	36.217.054.507
Dịch vụ sửa chữa xe	24.492.874.621	23.931.892.452	560.982.169
Hoạt động khác	7.224.627.227	2.680.796.130	4.543.831.097
Cộng	331.167.249.408	289.845.381.635	41.321.867.773
Kỳ trước			
Kinh doanh xe	661.109.924.721	558.495.949.024	102.613.975.697
Dịch vụ sửa chữa xe	18.070.981.198	16.986.623.294	1.084.357.904
Hoạt động khác	8.688.671.689	4.964.119.275	3.724.552.414
Cộng	687.869.577.608	580.446.691.593	107.422.886.015

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn là trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Tài sản thế chấp**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Tập đoàn đã dùng một số tài sản là hàng tồn kho và tài sản cố định là xe demo để thế chấp nhằm đảm bảo các khoản vay. Tại ngày 30/06/2026, giá trị hàng tồn kho hình thành theo các lần giải ngân và giá trị tài sản cố định còn lại dùng để thế chấp lần lượt là 124.268.687.931 đồng và 2.868.311.929 đồng (Xem tại thuyết minh V.7, V.9).

Nhận tài sản của đơn vị khác để bảo lãnh

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty Cổ phần dịch vụ Ô tô Hàng Xanh – Công ty mẹ cam kết bảo lãnh cho các khoản vay của Tập đoàn tại ngân hàng như sau:

- Khoản đảm bảo không vượt quá 120.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương chấp nhận bảo lãnh vay vốn không quá 55.000.000.000 đồng và tài sản thế chấp là Bất động sản số BV 137220 địa chỉ số 57A Võ Văn Kiệt, Khu phố 3, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

- Khoản đảm bảo không vượt quá 100.000.000.000 đồng tại Ngân Hàng Đại Chúng TNHH Kasikornbank
- Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh chấp nhận bảo lãnh vay vốn không quá 100.000.000.000 đồng.

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (Hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (Hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (Hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (Hợp nhất) giữa niên độ.

Thành phố Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

PHẠM THỊ DUYÊN

Kế toán trưởng

LÊ THỊ HUYỀN

Tổng Giám đốc

TRẦN VĂN MỸ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, Phường Định Công, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

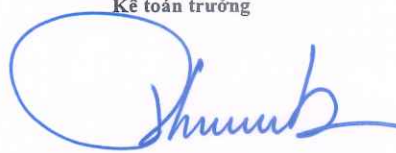
Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
1. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	320.000.000.000	20.000.000	122.922.480	146.316.428.359	-	466.459.350.839
2. Tăng trong kỳ trước	-	-	-	33.422.052.436	-	33.422.052.436
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	33.422.052.436	-	33.422.052.436
3. Giảm trong kỳ trước	-	-	-	(32.000.000.000)	-	(32.000.000.000)
- Trích cổ tức phải trả	-	-	-	(32.000.000.000)	-	(32.000.000.000)
4. Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	320.000.000.000	20.000.000	122.922.480	147.738.480.795	-	467.881.403.275
5. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	320.000.000.000	20.000.000	122.922.480	150.211.355.341	69.592.491	470.423.870.312
6. Tăng trong kỳ này	31.999.930.000	-	-	4.135.993.144	246.839	36.136.169.983
- Góp vốn	31.999.930.000	-	-	-	-	31.999.930.000
- Lợi nhận tăng	-	-	-	4.135.993.144	246.839	4.136.239.983
- Bút toán ảnh hưởng do hợp nhất lần đầu	-	-	-	-	-	-
7. Giảm trong kỳ này	-	(237.999.333)	-	(96.000.000.000)	-	(96.237.999.333)
- Chi cổ tức	-	-	-	(96.000.000.000)	-	(96.000.000.000)
- Khác	-	(237.999.333)	-	-	-	(237.999.333)
8. Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	351.999.930.000	(217.999.333)	122.922.480	58.347.348.485	69.839.330	410.322.040.962

Người lập biểu



PHẠM THỊ DUYỀN

Kế toán trưởng



LÊ THỊ HUYỀN

Thành phố Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026



Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính